

Số: /QĐ-UBND

Thạch An, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Công văn số 3003/BKHCN-TĐC ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về ban hành Kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2019 - 2020;

Theo đề nghị Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng được xây dựng, áp dụng tại UBND huyện Thạch An phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền của UBND huyện và các hoạt động nội bộ, hoạt động khác để nâng cao hiệu quả công tác quản lý của UBND huyện (Ban hành kèm theo Danh mục tài liệu của HTQLCL TCVN ISO 9001:2015)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo ISO huyện, các cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc UBND huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, BCD ISO.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nông Long Giang

Phụ lục**DANH MỤC TÀI LIỆU HTQLCL TCVN ISO 9001:2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024
của UBND huyện Thạch An)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
A. QUY TRÌNH CHUNG CỦA HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG			
1	Chính sách chất lượng	CSCL	
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	
3	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng	MH-HTQLCL	
4	Quy trình kiểm soát tài liệu hồ sơ	QT-01/ISO	
5	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT-02/ISO	
6	Quy trình đánh giá nội bộ và họp xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng	QT-03/ISO	
7	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội (theo phương pháp định tính)	QT-04/ISO	
8	Quy trình quản lý văn bản đi-đến	QT-01/VP	
9	Quy trình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	QT-02/VP	
10	Quy trình đánh giá sự hài lòng của khách hàng	QT-03/VP	
B. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
I	Phòng Kinh tế & Hạ tầng (36 Quy trình)		
I.1	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước		
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-01/LTHH	
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-02/LTHH	
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-03/LTHH	
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT-04/LTHH	
5	Cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT-05/LTHH	
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT-06/LTHH	
7	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-07/LTHH	
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ	QT-08/LTHH	

	công nhằm mục đích kinh doanh		
9	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-09/LTHH	
I.2	<i>Lĩnh vực kinh doanh khí</i>		
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-01/KDK	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-02/KDK	
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-03/KDK	
I.3	<i>Lĩnh vực quản lý an toàn đập, hồ chứa nước</i>		
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	QT-01/ATĐHCN	
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	QT-02/ATĐHCN	
I.4	<i>Lĩnh vực cụm công nghiệp</i>		
1	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	QT-01/QLCN	
I.5	<i>Lĩnh vực tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý</i>		
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	QT-01/TSKCHT	
2	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	QT-02/TSKCHT	
I.6	<i>Lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc</i>		
1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-01/QHXDKT	
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện	QT-02/QHXDKT	
3	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-03/QHXDKT	
I.7	<i>Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình</i>		

1	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của UBND cấp huyện)	QT-01/QLCL	
I.8	Lĩnh vực Xây dựng		
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	QT-01/XD	
2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	QT-02/XD	
3	Cấp giấy phép xây dựng (GPXD) đối với các công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-03/XD	
4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp II, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-04/XD	
5	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp II, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-05/XD	
6	Cấp điều chỉnh đối với công trình cấp II, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-06/XD	
7	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp II, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-07/XD	

8	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp II, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-08/XD	
9	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của UBND cấp huyện)	QT-09/XD	
I.5	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị		
1	Cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT-01/HTKTĐT	
I.6	Lĩnh vực đường thủy nội địa		
1	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.	QT-01/ĐTND	
2	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình.	QT-02/ĐTND	
3	Công bố hoạt động bến thủy nội địa.	QT-03/ĐTND	
4	Công bố hoạt động bến khách ngang sông bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.	QT-04/ĐTND	
5	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa.	QT-05/ĐTND	
I.7	Lĩnh vực nhà ở		
1	Công nhận Ban Quản trị	QT-01/NƠ	
II	Phòng Nội vụ (28 Quy trình)		
II.1	Lĩnh vực Tổ chức, biên chế		
1	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-01/TC- BC	
2	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-02/ TC-BC	
3	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	QT-03/ TC-BC	
4	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-04/ TC-BC	
5	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-05/ TC-BC	

6	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-06/ TC-BC	
II.2	<i>Lĩnh vực thi đua, khen thưởng</i>		
1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện theo công trạng.	QT-01/TĐKT	
2	Thủ tục tặng Danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến.	QT-02/TĐKT	
3	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở.	QT-03/TĐKT	
4	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.	QT-04/TĐKT	
5	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo chuyên đề.	QT-05/TĐKT	
6	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất.	QT-06/TĐKT	
7	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho hộ gia đình.	QT-07/TĐKT	
II.3	<i>Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ</i>		
1	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	QT-01/TCPCP	
2	Thủ tục thành lập hội	QT-02/TCPCP	
3	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội.	QT-04/ TCPCP	
4	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội.	QT-05/ TCPCP	
5	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội.	QT-06/ TCPCP	
6	Thủ tục hội tự giải thể	QT-07/ TCPCP	
7	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	QT-08/ TCPCP	
II.4	<i>Lĩnh vực tín ngưỡng, Tôn giáo</i>		
1	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo đúng quy định tại khoản 2 điều 41 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	QT-01/TCPCP	
2	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT-02/ TCPCP	
3	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT-03/ TCPCP	
4	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-04/ TCPCP	

5	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-05/ TCPCP	
6	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-06/ TCPCP	
7	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-07/ TCPCP	
8	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện trực thuộc tỉnh của cơ sở tín ngưỡng tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.	QT-08/ TCPCP	
III	Phòng Giáo dục – Đào tạo (37 Quy trình)		
III.1	<i>Lĩnh vực Giáo dục mầm non</i>		
1	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-01/GDMN	
2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-02/GDMN	
3	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại.	QT-03/GDMN	
4	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-03/GDMN	
5	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-04/GDMN	
III.2	<i>Lĩnh vực Giáo dục tiểu học</i>		
1	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT-01/GDTH	
2	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-02/GDTH	
3	Giải thể trường tiểu học	QT-03/GDTH	
4	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-04/GDTH	
5	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-05/GDTH	
6	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT-06/GDTH	
III.3	<i>Lĩnh vực Giáo dục trung học</i>		

1	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thực	QT-01/GDTH	
2	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-02/GDTH	
3	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT-03/GDTH	
4	Giải thể trường trung học cơ sở (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-04/GDTH	
5	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT-05/GDTH	
6	Tuyển sinh trung học cơ sở	QT-06/GDTH	
7	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT-07/GDTH	
8	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	QT-08/GDTH	
9	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	QT-09/GDTH	
10	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	QT-10/GDTH	
11	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	QT-11/GDTH	
III.4	Lĩnh vực các cơ sở giáo dục khác		
1	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	QT-01/CSGDK	
III.5	<i>Lĩnh vực giáo dục thường xuyên</i>		
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT-01/GDTH	
2	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-02/GDTH	
3	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	QT-03/GDTH	
4	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	QT-04/GDTH	
III.6	<i>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</i>		
1	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	QT-01/GDTH	

2	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-02/GDQD	
3	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	QT-03/GDQD	
4	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	QT-04/GDQD	
5	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT-05/GDQD	
6	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT-06/GDQD	
7	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT-07/GDQD	
8	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT-08/GDQD	
9	Đề nghị đánh giá công nhận "Đơn vị học tập" cấp huyện	QT-09/GDQD	
III.7	Lĩnh vực thi, tuyển sinh		
1	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú		
IV	Phòng Tư pháp (32 Quy trình)		
IV.1	Lĩnh vực Hộ tịch		
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-01/HT	
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-02/HT	
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-03/HT	
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-04/HT	
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-05/HT	
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-06/HT	
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-07/HT	
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-08/HT	

9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-09/HT	
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-10/HT	
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-11/HT	
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-12/HT	
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-13/HT	
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-14/HT	
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-15/HT	
16	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-16/HT	
17	Xác nhận thông tin hộ tịch	QT-17/HT	
IV.2	<i>Lĩnh vực chứng thực</i>		
1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	QT-01/CT	
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-02/CT	
3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-03/CT	
4	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được	QT-04/CT	
5	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch	QT-05/CT	
6	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-06/CT	

7	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-07/CT	
8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên của Phòng Tư pháp	QT-08/CT	
9	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên của Phòng Tư pháp	QT-09/CT	
10	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-10/CT	
11	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT-11/CT	
12	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-12/CT	
IV.4	Lĩnh vực bồi thường nhà nước		
1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-01/BTNN	
2	Phục hồi danh dự	QT-02/ BTNN	
IV.3	Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở		
1	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT-01/HG	
V	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội (26 Quy trình)		
V.1	Lĩnh vực bảo trợ xã hội		
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện.	QT-01/BTXH	
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện	QT-02/BTXH	
3	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện	QT-03/BTXH	
4	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-04/BTXH	
5	Chi trả trợ giúp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn, quận, huyện, thị xã thành phố thuộc tỉnh	QT-05/BTXH	
6	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng	QT-06/ BTXH	

	thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã thành phố thuộc tỉnh trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
7	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-07/BTXH	
8	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-08/BTXH	
9	Nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-09/BTXH	
10	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-10/BTXH	
11	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-11/BTXH	
12	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.	QT-12/BTXH	
13	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-13/BTXH	
14	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-14/BTXH	
15	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	QT-15/BTXH	
V.2	Lĩnh vực người có công		
1	Cấp giấy giới thiệu và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-01/NCC	
V.3	Lĩnh vực phòng chống Tệ nạn xã hội		
1	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-01/PCTNXH	
2	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-02/PCTNXH	
3	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-03/PCTNXH	
4	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở	QT-	

	cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình cộng đồng	04/PCTNXH	
V.4	<i>Lĩnh vực Lao động, tiền lương</i>		
1	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT-01/LĐTL	
V.5	<i>Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp</i>		
1	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	QT-01/GDNN	
2	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	QT-02/GDNN	
3	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	QT-03/GDNN	
4	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, thành phố trực thuộc tỉnh (2.002284)	QT-04/GDNN	
5	Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài (2.001960)	QT-05/GDNN	
VI	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (19 Quy trình)		
VI.1	<i>Lĩnh vực Lâm nghiệp</i>		
1	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-01/LN	
2	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư	QT-02/LN	
3	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	QT-03/LN	
4	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan	QT-04/LN	
VI.2	<i>Lĩnh vực Thủy lợi</i>		
1	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt)	QT-01/TL	
2	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT-02/TL	

3	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT-03/TL	
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT-04/TL	
5	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT-05/TL	
VI.3	<i>Lĩnh vực Thủy sản</i>		
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT-01/TS	
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT-02/TS	
VI.4	<i>Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản</i>		
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	QT-01/QLCL	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (<i>trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn</i>)	QT-02/QLCL	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (<i>trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP</i>)	QT-03/QLCL	
VI.5	<i>Lĩnh vực Kiểm lâm</i>		
1	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	QT-01/KL	
2	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	QT-02/KL	
VI.6	<i>Lĩnh vực Chăn nuôi</i>		
1	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà	QT-01/CN	

	nước		
2	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	QT-02/CN	
VI.6	Lĩnh vực trồng trọt		
1	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	QT-01/TT	
VII	Phòng Tài chính - Kế hoạch (32 Quy trình)		
VII.1	Lĩnh vực quản lý ngân sách		
1	Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp xã	QT-01/QLNS	
VII.2	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-01/HKD	
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-02/HKD	
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT-03/HKD	
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-04/HKD	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT-05/HKD	
VII.3	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã		
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	QT-01/HTX	
2	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	QT-02/HTX	
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT-03/HTX	
4	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-04/HTX	

5	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT-05/HTX	
6	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-06/HTX	
7	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-07/HTX	
8	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT-08/HTX	
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-09/HTX	
10	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-10/HTX	
11	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-11/HTX	
12	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	QT-12/HTX	
13	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	QT-13/HTX	
14	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	QT-14/HTX	

15	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	QT-15/HTX	
16	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	QT-16/HTX	
17	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	QT-17/HTX	
18	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	QT-18/HTX	
19	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	QT-19/HTX	
20	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-20/HTX	
21	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	QT-21/HTX	
22	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-22/HTX	
23	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	QT-23/HTX	
24	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	QT-24/HTX	
25	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-25/HTX	
26	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-26/HTX	
VIII	Phòng Tài nguyên và Môi trường (26 Quy trình)		
VIII.1	Lĩnh vực Đất đai		
1	Thủ tục Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người giao đất, thuê đất là cá nhân	QT-01/ĐĐ	
2	Thủ tục Giao đất, cho thuê đất không thông qua	QT-02/ĐĐ	

	hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân		
3	Thủ tục Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng là cá nhân	QT-03/ĐĐ	
4	Thủ tục Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng là hộ gia đình, cá nhân	QT-04/ĐĐ	
5	Thủ tục Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT-05/ĐĐ	
6	Thủ tục Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT-06/ĐĐ	
7	Thủ tục Điều chỉnh quyết định giao đất cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT-07/ĐĐ	
8	Thủ tục Giao đất cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai do Công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân	QT-08/ĐĐ	
9	Thủ tục Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà	QT-09/ĐĐ	

	đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở		
10	Thủ tục Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	QT-010/ĐĐ	
11	Thủ tục Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	QT-11/ĐĐ	
12	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận do bị mất	QT-12/ĐĐ	
13	Thủ tục Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	QT-13/ĐĐ	
14	Thủ tục Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QT-14/ĐĐ	
15	Thủ tục Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho	QT-15/ĐĐ	

	Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông		
16	Thủ tục Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	QT-16/ĐĐ	
17	Thủ tục Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	QT-17/ĐĐ	
18	Thủ tục Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	QT-18/ĐĐ	
19	Thủ tục Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân	QT-19/ĐĐ	
20	Thủ tục Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	QT-20/ĐĐ	
VIII.2	<i>Lĩnh vực tài Nguyên nước</i>		
1	Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất	QT-01/TNN	
2	Thủ tục lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT-02/TNN	
IV.3	<i>Lĩnh vực Môi Trường</i>		
1	Thủ tục cấp giấy phép môi trường	QT-01/TNN	
2	Thủ tục cấp đổi giấy phép môi trường	QT-02/TNN	
3	Thủ tục điều chỉnh giấy phép môi trường	QT-03/TNN	
4	Thủ tục cấp lại giấy phép môi trường	QT-04/TNN	
IX	Phòng Văn hóa – Thông tin (11 Quy trình)		
IX.1	<i>Lĩnh vực Văn hóa cơ sở</i>		
1	Thủ tục Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	QT-01/VHCS	
2	Thủ tục Cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	QT-01/VHCS	
3	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	QT-03/VHCS	

4	Thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	QT-04/VHCS	
IX.2	Lĩnh vực Thư viện	QT-05/VHCS	
1	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-01/TV	
2	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-02/TV	
3	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-03/TV	
IX.3	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử		
1	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-01/PTTH	
2	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-02/ PTTH	
3	Thủ tục Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-03/ PTTH	
4	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-04/ PTTH	
X	Thanh tra huyện (08 Quy trình)		
X.1	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại		
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	QT-01/GQKN	
2	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	QT-02/GQKN	

X.2	<i>Lĩnh vực Giải quyết tố cáo</i>		
1	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	QT-01/GQTC	
X.3	<i>Lĩnh vực Xử lý đơn</i>		
1	Tiếp công dân tại cấp huyện	QT-01/XLĐ	
2	Xử lý đơn thư tại cấp huyện	QT-02/XLĐ	
3	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	QT-02/XLĐ	
4	Thủ tục yêu cầu tiếp nhận giải trình	QT-02/XLĐ	
5	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QT-02/XLĐ	
XI	<i>Phòng Dân tộc (02 Quy trình)</i>		
1	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT-02/DT	
2	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT-02/DT	